

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Bản án số: 53 /2018/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 5 - 2018.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*“ V/v tranh chấp:
ly hôn ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đạt.

Các Hội thẩm Nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hòa và ông Phan Văn Quý.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Phương Loan, Thư ký Toà án Nhân dân huyện Phong Điền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế :
Ông Lê Ngọc Thành, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại hội trường Tòa án Nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 13/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018; về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXX-ST ngày 02/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số nhà 5, Kiệt 79, đường H, tổ 3, khu vực II, phường A, thành phố H, tỉnh TT.Huế.

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (Có mặt).

Bị đơn: Anh Lê Chí T, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn ngày 27/02/2018 và trong bản tự khai nguyên đơn là chị Lê Thị Ngọc A trình bày :

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc A và anh Lê Chí T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2017 và đăng ký kết hôn vào ngày 06/03/2017 tại UBND xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau ở nhà của bố mẹ chồng ở tại thôn T, xã Đ một thời gian ngắn nhưng không có hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm và thường xuyên cãi vã nhau, vì vậy chị A đã bỏ về nhà mẹ đẻ của chị ở

tại số nhà 5/79 H, tổ 3, khu vực II Phường A, thành phố H để sống kể từ tháng 4/2017. Kể từ đó cho đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa.

Do mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã quá lâu ngày và hiện nay chị A cũng không còn tình cảm với anh T nữa nên vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Lê Chí T, sau khi Tòa án thụ lý và đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án theo quy định tại điều 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đồng thời trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án để giải quyết vụ án, cụ thể vào các ngày 12/3/2018; 21/03/2018 Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án và thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T hợp lệ anh T vẫn cố tình vắng mặt.

Ngày 04/4/2018 Tòa án cũng đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXX-ST ngày 02/4/2018 và giấy triệu tập số 349/GTT-TA ngày 02/4/2018 anh T đã ký nhận trực tiếp tuy nhiên anh T vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa.

Ngày 28/3/2018 qua xác minh tại UBND xã Đ thì hiện nay anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế và có đăng ký kết hôn vào ngày 06/3/2017, Cán bộ UBND xã đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt .

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền có ý kiến:

Đối với quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc A đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Anh Lê Chí T không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, đồng thời từ bỏ quyền tham gia tố tụng tại Tòa án. Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp chính đáng của đương sự. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Lê Thị Ngọc A được ly hôn anh Lê Chí T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- [1]Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Ngọc A và anh Lê Chí T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy Ban Nhân Dân xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 06/3/2017. Điều kiện và thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định tại điều 8 và điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T để lấy lời khai và mở phiên hòa giải, công khai chứng cứ, mặc dù anh T đã ký nhận nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị A, thấy rằng: Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau ở nhà của bố mẹ chồng ở tại thôn T, xã Đ một thời gian ngắn nhưng không có hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm và thường xuyên cãi vã nhau, vì vậy chị A đã bỏ về nhà mẹ đẻ của chị ở tại số nhà 5/79 H, tổ 3, khu vực II Phường A, thành phố H để sống kể từ tháng 4/2017. Kể từ đó cho đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Do mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu ngày nên chị A cương quyết yêu cầu ly hôn. Phía anh Lê Chí T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T vẫn vắng mặt, chứng tỏ anh T không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa hai người. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị A và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị A, cho chị A được ly hôn với anh T.

[3]Về con chung: Trong quá trình hôn nhân chị A và anh T không có con chung. Nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét, tuy nhiên đây mới chỉ là lời khai của một bên đương sự vì vậy nếu sau này có phát sinh sẽ giải quyết thành vụ kiện độc lập.

[5]Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 5 Điều 177; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Ngọc A, cho chị Lê Thị Ngọc A được ly hôn với anh Lê Chí T.

Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc A phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 003424 ngày 28/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSV A;
- Ấn văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Đạt